

BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ

Lê Bá Vận

Cha sinh mẹ dưỡng. Đức cù lao lấy lượng nào đong.

Bệnh Viện Trung ương Huế từ ngày thành lập đến nay đã 115 năm (1894-2009), trải qua bao thăng trầm gắn liền với lịch sử giàu biến cố của cố đô Huế, lúc thịnh lúc suy, thay xương đổi thịt lắm lần, song: “*Miền là cá ở dưới hồ, Còn con cũng có ngày to kết sù,*” để ngày nay trở thành một Bệnh viện lâu cao đầy dọc, nguy nga đồ sộ, hoành tráng, nổi bật lên bên cạnh các cơ sở bao quanh như hạc giữa bầy gà, ngảnh mặt trông ra sông Hương thơ mộng, trên một con đường lớn và đẹp nhất của Thành phố, cạnh Quốc lộ 1, sát chân Cầu Mới bắc ngang sông. Lịch sử hình thành và phát triển Bệnh Viện Trung ương Huế (BVTUH) trong hơn một thế kỷ có thể giản lược như sau (phỏng theo tài liệu: Bệnh viện Trung Ương Huế, Tôn Thất Hứa, www.ykhoahuehaingoai.com):

1. 1894 Thời kỳ lợp tranh ở bờ Sông Hương, lớn dần thành một Bệnh viện nhỏ.
2. 1907 Thời kỳ trên 200 giường xây cất sau cơn bão dữ dội năm Giáp Thìn 1904.
3. 1920-47 Thời kỳ trưởng thành, trên 1000 giường bệnh, 1944, tên chính thức BVTUH.
4. 1947-54 Thời kỳ thu hẹp, chỉ còn 1/3 diện tích ở góc sau. Quân đội Pháp, trở lại Huế, trưng dụng phần lớn cơ sở để thành lập Bệnh viện Quân Y và bộ Chỉ huy Quân sự.
5. 1954-68 Thời kỳ phục hồi, 1954: Hiệp định Genève, đình chiến; Pháp rút lui, trao trả B. Viện.
6. 1968-75 Thời kỳ xây dựng mô hình hiện đại, tiếp sau biến cố Tết Mậu Thân 1968 tang tóc và hủy diệt.
7. 1975- Thời kỳ dưới Chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa.

Trong hơn thế kỷ các mốc thời gian phát triển thực tế còn phức tạp nhiều. Tuy nhiên có hai thời điểm là khúc rẽ ngoặt có ý nghĩa trọng đại đối với chức năng và phát triển của BVTUH, cũng như do trùng hợp tình cờ đối với cá nhân tôi và gia đình trong tình cảm và lối sống, gắn bó với BVTUH. Đó là thời gian từ 1959 đến 1968.

Năm 1959 là năm Trường Đại Học Y Khoa Huế được thiết lập (NĐ/GD 21/8/1959) và đó là bước tiến tất yếu sau khi Sắc lệnh 45/GD ban hành ngày 1/3/1957 cho thiết lập tại Huế một Viện Đại Học Quốc Gia. Mùa thu năm ấy Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm đã ra Huế đích thân chủ tọa, vừa lễ Khai mạc vừa lễ Khai giảng niên khoá đầu tiên của Viện. Sự hiện hữu của Viện ĐH Huế đã đem lại niềm tin tưởng và tự hào cho nhân dân miền Trung, đặc biệt cho cố đô Huế là vùng địa đầu của Miền Nam tự do kề cận chế độ miền Bắc Cộng Sản. Tuy nhiên nếu sự thành lập của Viện ĐH Huế chỉ khó một thì sự thành lập ĐHYK Huế lại khó mười, khó khăn chống đối đến từ nhiều phía (Viện Đại Học Huế, Dòng Việt 1997). Nếu không có TT. NĐDiệm, mà chỉ là một Tổng Thống khác thì chắc không thể có Viện ĐH Huế, nói chi đến Trường ĐH YK mà Tổng Thống NĐDiệm đã dùng uy quyền để áp đặt. Những năm 1956-60 đất nước thanh bình ổn định nhất. Nếu để chậm hơn thì tình thế lại khác hẳn.

Đối với BVTUH năm 1959 đổi đời : Với sự thành lập một trường Đại Học Y Khoa, BVTUH mặc nhiên đảm nhiệm thêm chức năng mới, chức năng giáo dục đào tạo của một Bệnh viện thực hành ngoài chức năng điều trị vốn có. Trường và Viện sẽ cùng nhau chung sức đào tạo các cán bộ chuyên môn cao cấp nhất của ngành Y: “*Cha sinh mẹ dưỡng, đức cù lao lấy lượng nào đong.*” Kể từ 1959, BVTUH là một Bệnh viện chính có bóng dáng các Sinh viên Y khoa vào thực tập đông đảo, ngang hàng với các Bệnh viện danh tiếng, Chợ Rẫy, Bình Dân... ở Thủ đô Sài Gòn và do đó tạo nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển cơ sở, trang bị, nhân lực không ngừng nâng cao chất lượng tầm mức một Bệnh viện thực hành đầy đủ các khoa chuyên môn. Thế mạnh của BVTUH là tập trung về một mối Cận Lâm sàng mà vào thời điểm này vốn đã sánh ngang với các Bệnh viện lớn ở Hà Nội và Sài Gòn (Hà Nội thì năm 1954).

Đối với BVTUH năm 1968 hoán diện: Khuya mùng một, rạng mùng hai Tết Mậu Thân 1968. Bộ đội Cộng sản bất ngờ đánh úp và nhanh chóng kiểm soát Thành phố Huế. Trận đánh tái chiếm Huế sau đó diễn ra ác liệt kéo dài ngót cả tháng giêng khiến nhà nhà sụp đổ ngổn ngang, người người chết chóc la liệt, kẻ bom rơi đạn lạc, kẻ xích tay trời chân vùi hố tập thể.

BVTUH cũng vạ lây, bị phá hủy nặng nhất là nửa trước Bệnh viện, không còn nhận diện được, ngoài khả năng sửa chữa. Hỏa trung hữu Phúc (nếu biết biến đau thương thành hành động Cách mạng,) một thời gian lâu lâu sau đó Bệnh viện được xây cất lại đại qui mô, kéo dài nhiều năm khiến Bệnh viện phải tạm thời co rút thu hẹp diện tích trước khi công trình xây dựng hoàn tất, nguy nga tráng lệ khác hẳn xưa; xưa là cô gái mộc mạc duyên dáng, hương đồng cỏ nội, nay lầu son gác tía hoàn toàn biến đổi, đài các kiêu diễm, phấn son lộng lẫy, khó nhận ra. Cũng là trường hợp các Bệnh viện Chợ Rẫy, Bình Dân ở Sài Gòn phải đập phá, xây lên cao ốc, nhằm tận dụng mặt bằng, mở rộng cơ sở, đáp ứng đà tiến triển nền y khoa hiện đại.

Năm 1959, cuối hè, tôi giải ngũ, từ giả Bệnh viện Quân Y Mang Cá, Thành Nội và ít lâu sau đến nhận việc ở BVTUH. Lúc đó coi như là lần đầu tiên tôi bước chân vào đây, trước kia chỉ đi ngang, rất nhiều lần và lắm khi tò mò nhìn vào để ngạc nhiên thấy xa tắp tuốt công đường kia cũng có người đi, xe cộ qua lại và thậm chí khen Bệnh viện thật rộng lớn, đẹp đẽ và khác thường. Cố đô Huế có hai điểm độc tôn: đó là Cung điện và Lăng tẩm, không nơi nào có, không cần so sánh. Huế lại có ba điểm độc đáo: Tam tuyệt Đô thị, đó là Sông Hương/Cầu Trường Tiền, Quốc Học/Đông Khánh và BVTUH.

Sông Hương đặc biệt. Cho đến năm 1959 tôi chưa từng thấy con sông lớn nào ở Việt Nam mà có phổ xá đông đúc ở cả hai bên bờ sông, tả và hữu ngạn như ở Huế. Ở miền Nam, Sài Gòn, Mỹ Tho và ở miền Hậu Giang các thành phố, thị xã đều nằm một bên bờ. Miền Trung cũng vậy, như Quảng Ngãi với sông Trà Khúc, Đà Nẵng tả ngạn sông Hàn, Đồng Hới tả ngạn cửa sông Nhật Lệ rộng lớn, bên kia sông là động cát, có một làng câu nhỏ ven sông, Vinh thì cách xa Bến Thủy mấy cây số. Ở miền Bắc, Hà Nội nằm ở hữu ngạn sông Hồng. Sông Hương ở Huế như một giải Ngân Hà đầy sao lấp lánh cả hai bên bờ và cầu Trường Tiền sáu vòm hình dây nửa đồng tiền bắc ngang sông như cầu Ô thước, thật độc đáo. Sông Hương, thiên nhiên và cầu Trường Tiền, nhân tạo là biểu tượng của Huế. Ở Hà Nội có phố Trường Tiền, phố Tây lớn nhất, sang trọng song tôi không giải thích được lý do đặt tên.

Trường Quốc học/Đông Khánh là một điểm độc đáo khác. Cũng cùng ngành mặt ra sông Hương, “Không Trường nào bì kịp, tôi đã viết như vậy, hai Trường Quốc Học/Đông Khánh, trong một khung cảnh hữu tình, nằm sát cạnh nhau đẹp đẽ như Phụng cầu Hoàng mà vẫn giữ ý tứ lễ độ như đôi Sư cưu.” (Đặc san QH/ĐK Bắc Cali 2008, tr. 21.) Phụng là chim Phụng, Hoàng là chim Phụng mái, Sư cưu là chim Sư cưu/Thư cưu, con trống con mái đi chung mà không hề bôn cợt, vợ chồng người Quân tử. Thật là “Yếu

điều *thục nữ, quân tử* hào câu.” Không đâu trên đất nước Việt Nam có hai trường Trung học lớn, Nam Nữ mà sát cánh được nên thơ như vậy.

Điểm độc đáo thứ ba là BVTUH. Đó là Bệnh viện có số giường lớn và khuôn viên rộng nhất thời bấy giờ. Tuy nhiên mô hình kiến trúc mới thực là độc đáo. Tôi chưa từng thấy Bệnh viện nào, dù lớn dù nhỏ trên toàn cõi đất nước mà ta có thể nhìn suốt từ cổng trước thẳng tít ra cổng sau, tầm mắt không hề bị ngăn cản. Lúc nhỏ tôi có ở Vinh, có vào Bệnh viện, ở ngoài Thành nội, không xa dây phố chính và chỉ nhớ mang máng có mấy dãy nhà dài lợp ngói. Tôi lại có ở Quảng Ngãi, bệnh viện nằm ở một góc Thành nội, sát cửa Hậu, có những nhà trên bờ Thành, có những nhà nằm dưới giồng ở Bệnh viện Quân Y Mang cá, Huế song nhỏ hơn. Cũng đẹp. Bệnh viện Đồng Hới hông sau nằm dọc bờ sông, tuy nhỏ nhưng cũng có mỗi thứ một ít: phòng ngoại chẩn, khám và cấp thuốc, phòng mổ nhỏ, xét nghiệm đơn sơ và hai ba dãy bệnh phòng tuy thấp nhưng cũng lợp ngói tường gạch, tươm tất. Giàu làm kếp, hẹp làm đơn. Bệnh viện Đà Nẵng đường Nguyễn Hoàng/Quang Trung năm 1956 cũng là mấy dãy nhà dài, lúc vào thăm một bà con, là nhân viên, gia đình ở ngay trong bệnh viện, tôi tưởng là vào một trường tiểu học nào đó, có nhiều cây cối. Lúc tôi ra Hà nội học, những năm tháng trước ngày chia vĩ tuyến 17, (1954), lúc đi thực tập và sau đó làm sinh viên ngoại trú ở bệnh viện Bạch Mai (Nội Nhiễm) và Yersin (Ngoại Phẫu) là lúc tôi quan sát kỹ những bệnh viện lớn, lớn nhất ở Hà nội. Bệnh viện Bạch Mai nằm xa Hà nội nhiều cây số về phía Nam, trên Quốc lộ 1 tương tự như Huế đi về bệnh viện Phú Lương. Tôi đạp xe từ Học xá Trung Việt, đường Quan Thánh, Hồ Tây, đầu mút này Hà nội, xuống đầu mút kia, rồi băng qua nhiều đồng ruộng, dọc hồ Bảy Mẫu, mới đến bệnh viện Bạch Mai, ở ngoại ô, nhiều khi trời mưa rét song cũng chẳng thấy mệt nhọc gì. Khi thấy một dãy quán nhỏ thì rời đường Quốc lộ, băng ngay qua đường sắt chạy song song, thêm vài chục thước là đến cổng bệnh viện Bạch Mai rộng lớn. Nội khoa nằm mé hữu, gồm các dãy trệt trại bệnh cao ráo nối nhau bởi những hành lang dài có mái che. Giảng đường lớn nằm mé sau. Lại có phòng dành cho Khoa Tai mũi Họng. Bệnh viện dài nhưng có vẻ kém chiều sâu. Mé giữa cũng là những tòa nhà và mé tả có những biệt thự và nhất là khu Truyền Nhiễm gồm nhiều dãy trệt có các bệnh phòng đậu mùa, thủy đậu, sởi... và nhiều phòng Lao. Có phòng mổ nhỏ để làm các thủ thuật ở màng phổi. Hai bên hông và sau Bệnh viện toàn là đồng ruộng vắng vẻ. Tôi nhớ mùa đông các bệnh phòng khoa nội gió lạnh và có vẻ ẩm ướt, sàn nhà trơn trượt. Bệnh viện Phủ Doãn (Yersin), Ngoại phẫu nằm ở phố Phủ Doãn là một con đường yên tĩnh gần hồ Gươm. Bước vào cổng là một tòa Nhà Lâu chứa Phòng Cấp cứu, khu Hành chánh và Phòng Trục của các Sinh viên Nội, Ngoại Trú ở một phần lầu. Phía sau khá rộng, hình chữ U đứt khúc, giữa phòng Mổ, trên lầu Mổ sạch, dưới lầu Mổ bẩn, phía sau là Giảng Đường, mé hữu các bệnh phòng, mé tả có Hội Trường lớn và Trại bệnh. Toàn bộ gọn gàng, khang trang. Góc phải có ngôi nhà Lâu Nha Khoa. Phía hông sau có Tư Thất BS Giám Đốc, BS Phạm biểu Tâm, cổng trở ra phố Hàng Bông. Hồi đó không như ở BVTUH, các bệnh viện khác chỉ có một hoặc hai Tư Thất dành cho Bác sĩ Giám Đốc và/hoặc Bác sĩ Thường Trú (nếu có.) Trước mặt BV Phủ Doãn, bên kia đường là một Bệnh viện Quân Y nhỏ và một BV Ung Bướu. Sau 1954 Bệnh viện Phủ Doãn, Bác sĩ, nhân viên chuyển vào Bệnh viện Bình Dân, đường Phan thanh Giản, Sài gòn và vẫn là một bệnh viện ngoại phẫu, khuôn viên chật hẹp, gồm các trại bệnh, nhà trệt bao quanh phòng mổ và một vườn hoa xinh xắn ở giữa. Bệnh viện Chợ Rẫy, lớn nhất, ở đường Thuận Kiêu, Chợ Lớn gồm các khoa Nội và Ngoại. Vào cổng chính một đoạn ngắn là một ngôi nhà lớn chắn ngang, hai tầng, dưới phòng Cấp cứu, trên phòng trực Bác sĩ (hiếm khi đến), sinh viên Nội trú, Ngoại trú. Tôi nhớ rõ vì đã là Nội trú ở đây. Phía sau ngôi nhà này là một con đường rộng nhưng cũng không dài, chia Bệnh viện ra hai, mé trái có các lầu trại bệnh nội khoa mang số 22, 24 vv. . ., các Trại bệnh ở đâu cũng tên chữ số hoặc chữ cái, không như ở BVTUH, tên người, mé phải là các trại bệnh ngoại khoa và phòng mổ lớn. Ở Sài gòn lại có nhiều Bệnh viện lớn khác: BV Từ Dũ

(Sân), BV Đô Thành ở bùng binh Sài Gòn, nhìn xéo qua chợ Bến Thành Bệnh viện Đồn đất (Grall) của Pháp, danh tiếng có nhiều trại bệnh nằm xa nhau trên những mô đất cao thấp và khuôn viên rất rộng có tường cao bao quanh kín mít, ở ngoài nhìn vào chẳng thấy gì, cũng như trường hợp Nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi ở cùng trên đường Hai Bà Trưng, hoặc một Tu viện lớn thâm cung. Các bệnh viện của người Hoa: Triều Châu, Sùng Chính và nhiều nữa, mỗi nơi đều có một vẻ đẹp riêng nào đó, *Cúc tú Lan hương*. Tuy nhiên BVTUH mới là ý nghĩa độc đáo, khác hẳn.

BVTUH mặt tiền ngành ra sông Hương, dọc bờ sông là công viên trải dài, trên Đại lộ Lê Lợi mùa hè hoa phượng đỏ rực, sáng chiều trong Bệnh viện nhìn ra công trường những tà áo trắng Nữ sinh Đồng Khánh thướt tha ngang qua, những chiếc nón nghiêng nghiêng trông thật đẹp mắt. Từ công trường 16 Lê Lợi ra công trường 3 Ngô Quyền, lấy tên hai vị Hoàng đế khai quốc nổi danh trong lịch sử, là một đường trải nhựa rộng và thẳng như lòng cầu Trường Tiền suốt đầu này sang đầu kia. Đường Ngô Quyền chạy bọc mặt sau các Trường Quốc học, Đồng Khánh, cắt ngang bệnh viện ở phần sau, chạy xuống thêm một đoạn để rồi tận cùng ở ngã sáu độc nhất ở Huế, có nhà hàng Chaffanjon nổi tiếng thời Pháp thuộc.

Con đường giữa chạy từ trước ra sau chẻ đôi Bệnh viện làm hai nửa cân xứng như đường ranh giữa một bàn cờ tướng chia hai bên quân đỏ đen mà cũng như giải sông Hương chia Thành phố Huế thành phía tả ngạn thị tứ sầm uất và hữu ngạn Công sở, Viện, Trường... rộng rãi thoáng mát. Thực vậy, nửa bên tả bệnh viện, phía ga Huế, dành cho Nội Nhi Sản và Hậu cần chen chúc; nửa bên hữu, phía cầu Trường Tiền là Hành chánh, Ngoại Phẫu, Cận Lâm sàng xen nhiều cây cối và bãi cỏ rộng phía công viên Hàng Đào. Tuy nhiên một vài phòng nội khoa thiếu chỗ, chạy lạc qua mé này còn nhiều đất trống. Trong bệnh viện lại còn nhiều ngôi nhà độc lập, nhiều dãy căn hộ cấp cho bác sĩ, nhân viên, một hòn non bộ lớn làm cảnh, hai hầm trú ẩn xây nổi kiên cố phòng không từ thời đệ nhị thế chiến, chỉ chít nhiều đường nhỏ lớn ngăn cách các khoa, phòng, nhà cửa, luống hoa bồn cỏ. Nhìn đâu cũng thấy tươi mát.

Bên nửa mé trái cụ thể, những ai ở hoặc làm việc lâu trong bệnh viện còn nhớ, mặt tiền đường giữa từ công trường ra sau là Phòng Trục Cấp cứu, tiếp đến một bồn cỏ dài, rồi Khoa Nhi, ba tầng, 160 giường bệnh xây lại năm 1960 với quỹ Nhi đồng UNICEP. Trước Khoa Nhi là một hồ non bộ dài khoảng 10 m trên 6 có xây bờ thấp quanh hồ để bệnh nhân ngồi hóng mát ngắm đàn cá vàng lớn bằng bắp chân bơi lội nhả bóng chui ra vào các hang hốc của hòn non bộ. Cạnh Khoa Nhi là Khoa Sản Trung Trắc hai tầng hình chữ U, trước là một vườn hoa rộng giữa có một bệ đá cao có đặt bát hương. Cuối cùng ngay sát công trường là một ngôi nhà độc lập có hàng rào dâm bụt chắn quanh. Nhà này trước cấp cho Ông N. Nguyễn, trưởng phòng Xét nghiệm, có vợ Pháp, tiếp đến Ô. ĐDBảng Giám đốc Ngân Hàng Huyét là con BS ĐĐLiễu, Trưởng Ty Y tế Thừa Thiên. Sau 1968 Ô. ĐDBảng vào Sài Gòn, nhà được dùng tạm làm khu hành chánh trong khi chờ đợi bệnh viện xây cất lại. Sau mặt tiền của con đường giữa, cũng vẫn bên mé trái, từ trước ra sau là các phòng Khoa Nội, rất đặc biệt vì lấy tên các danh nhân lịch sử: Nguyễn hữu Sum A và B, Phan bội Châu A và B, Thái Phiên, phòng trả tiền, Trần Hưng Đạo A và B trước là nội khoa, sau vụ Dịch tả đổi thành khoa truyền nhiễm do hai Bác sĩ LKQuyển và LVĐiêm phụ trách, phòng Đẻ Thám mười giường cho phạm nhân, trại điên (khoa Tâm thần) và Nhà Xác kế cận, ở góc sau, góc hai đường Ngô Quyền/Đẻ Thám. Hậu cần thì có Nhà Giặt, Nhà Bếp, sát hông trái phụ trách trên 1000 phần ăn, hồi đó bệnh viện cung cấp ăn uống miễn phí toàn bộ; ngoài ra lại có phòng điện phụ có máy điện riêng để phòng điện cúp, cũng có một Niệm Phật Đường. Nhà cửa san sát ở phía tả ngạn này.

Mé nửa kia bên phải bệnh viện, cụ thể mặt tiền đường giữa, ngay công trường vào là nhà trực công, tiếp đến Văn phòng Giám đốc, Văn phòng bệnh viện, lầu Huỳnh Thúc Kháng tiền phẫu, nữ trên, nam dưới, lầu Nguyễn

thiện Thuật nội nữ dưới, phụ khoa trên BS NDChi phụ trách, lầu Lê Huân nội nam trên, dưới có phòng may nhỏ và quán hàng vật. Trước lầu NTThuật/LHuân là bãi cỏ rộng có mấy cây cỏ thụ. Tiếp nữa là phòng Ngô Quyền công chức, rồi một dãy căn hộ nhân viên nằm ngang và cuối cùng cũng như bên mé kia, sát cổng sau là một ngôi nhà độc lập, đặc biệt vì có số đường: 5 Ngô Quyền, sau lưng nhà là vườn cỏ nhỏ tiếp giáp với đường giữa. Cổng sau (3 Ngô Quyền) không có phòng trực song có một trạm điện cao thế nằm bên cửa cổng, mé phải. Phía tay phải này, đằng sau mặt tiền là Văn phòng Ty Y Tế, về sau dọn xuống phía cầu TrườngTiền, cơ sở dùng làm phòng họp và Thư viện, ga ra cho đội xe Cứu Thương, xe Tải. Sau lưng Huỳnh Thúc Kháng là Phòng Mổ Lớn có bao lơn cho Sinh viên kiến phẫu. Tầng trên là Phòng Hấp, bên cạnh là Phòng Bác sĩ, phòng trực Nhân viên. Phòng Mổ nối liền với lầu Hoàng Diệu hậu phẫu. Khoa X-Quang rất rộng xây năm 1960, trước đó ở cùng phòng trực Cấp cứu. Cạnh Khoa X-Quang là văn phòng tờ báo Lành Mạnh, BS. LKQuyền Chủ bút và căn hộ cho Nhân viên. Có một phòng bệnh 30 giường, lợp tôn dành cho Bảo an/ Địa phương Quân, bị pháo kích và được xây lại. Cũng lợp tôn, rất rộng nhưng trống vách là Hội trường nằm cạnh hầm trú ẩn (một hầm ở mé bên kia.). Có một Nhà Nguyễn Công giáo mới xây, trong những bãi cỏ rộng trải dài cho đến Khoa Cận Lâm Sàng, từ số 5 đến số 7 Ngô Quyền, gồm: Kho Thuốc, phòng Bào chế Dược, Nhà nuôi Thỏ, khoa Xét Nghiệm và cuối cùng là Ngân hàng Huyết, số 7 Ngô Quyền. Ở đây mấy người vào cho máu được bồi dưỡng một bữa ăn có thịt, trứng, sữa, bánh mì hoặc cơm, sau này lại có thêm tiền mặt. Tuy vậy vào thời đó Ngân Hàng Huyết nhận được rất nhiều bạch máu Mỹ, Quân đội Mỹ đem tới cho, dùng dư dả ở Phòng Mổ, Khoa Sản, các Khoa khác... Sinh hoạt bệnh viện tấp nập trên con đường chính nối liền 2 cổng trước sau lắm người đi lại. Bên kia đường Ngô Quyền và đường Đề Thám (chạy từ đại lộ Lê Lợi đến đường Ngô Quyền, ở hông trái Bệnh viện) vẫn còn là BVTUH.

Tổng diện tích của Bệnh viện khoảng 100 ngàn m², phân làm 4 lô đất. Lô chính chiếm trên 3/4 diện tích, ở mặt tiền như vừa mô tả. Lô 2 nhỏ nhất, ở góc đường Ngô Quyền/ Đề Thám là Trường Cán Sự Y Tế Điều Dưỡng cũ, với các nhà vòm lợp tôn, phòng học và nội trú sau xây lại thành Khoa hoặc Bệnh viện Tâm Thần, trước mặt khu Bài Lao. Lô đất 3 và 4 nối liền nhau rất dài từ số 2 đến 6 Ngô Quyền và khởi đầu là (bệnh viện hoặc) Khu Bài Lao, 200 giường, bắt đầu từ cổng Trường Đại học Y Khoa, ở phía số chẵn đường Ngô Quyền, gồm 4 dãy lầu do giòng Nữ Tu Phao lờ cai quản và Bác sĩ BVTUH điều trị. Ở Huế thời đó, có Trường Thiên Hữu (Providence) 3 tầng lầu quét vôi hồng nền trắng, cùng với 4 dãy lầu Bài Lao sơn cùng màu thanh nhã nổi bật hẳn. Tuy nhiên đi ngang qua Bệnh viện Bài Lao nhiều người cũng bước nhanh không dám hít thở mạnh, sợ bóng sợ gió, nhà Xác lại ở góc đường. Sau biển cổ Tết Mậu Thân, khu Bài Lao không hề hấn và một phần tạm dành cho khoa Nội.

Số 4 Ngô Quyền kế tiếp (ngay bên kia đường là 5 Ngô Quyền) là cổng vào Nhà Thương Nhỏ, cũng gọi là Nhà Thương Thị Xã gồm chính yếu phòng khám Ngoại chấn ở ngay giữa, là một ngôi nhà lớn có nhiều phòng khám các bệnh nội ngoại nhi sản, khám chữa răng và bảo nhi. Bệnh nhân đến khám đông xin cấp thuốc, toa thuốc hoặc nằm viện, cho nên đoạn đường này rất tấp nập nhất là buổi sáng trong giờ làm việc. Cạnh sau phòng khám ngoại chấn là lầu Nguyễn Tăng Chuẩn dành cho bệnh nhân ngoại thương nhiễm trùng và tiểu phẫu: mụn nhọt, viêm xương... ngay cả sỏi bàng quang. Cạnh đó là trại cùi đầu khoảng trên 20 giường, cũng là khoa Da Liễu. Mé phải là khu chuyên khoa ngoại: Mắt, Tai Mũi Họng, có phòng khám, phòng mổ riêng và 2 phòng bệnh nằm, 25 giường Mắt, 12 giường TMHọng. Phòng bệnh Mắt mùa đông ấm ướt và lạnh. Khu chuyên khoa này còn có tên Viện Lê Đình Dương, có cổng riêng, số 6 Ngô Quyền đối diện với cửa vào Ngân hàng Huyết số 7 bên kia đường. Bọc sau nhà thương Thị xã là một con đường đất nhỏ nối theo dãy hàng rào thấp sau Bài Lao cùng tiếp cận với đất ruộng của Trường ĐHYKhoa. Trường ĐHYKhoa được thiết lập năm 1959, các Trường Tá viên điều dưỡng, Nữ Hộ Sinh

Quốc gia, Cán sự Y Tế Điều dưỡng ít năm trước đó, đều cùng ở mé sau BVTUH được thành lập từ năm 1894, tất cả dính chùm tiếp giáp với hai bên đường Ngô Quyền được xem như sống lưng, như giòng sông chung của một trục Y tế/Đào tạo hoàn chỉnh độc đáo.

*

Cuối năm 1959 tôi qua nhận việc ở BVTUH và nhờ cơ may được cấp nhà trong khuôn viên Bệnh viện. (Thời đó các bác sĩ ở luôn trong bệnh viện là: BS. LVĐiêm, ở phía trước; tư thất Giám đốc cũng ở phía trước, nhìn xéo qua Câu lạc bộ Thể thao Huế, tuy nhiên được dùng làm Nhà Khách vì BS. LKQuyển có nhà riêng ở cửa Thượng Tứ. BS NKNam Anh và NKMân, bà vợ Pháp, cùng ở chung một ngôi nhà lâu, trên dưới và BS NDChi ở nhà lâu kế bên, nhìn ra công viên Hàng Đoát. BS NDChi có cụ thân sinh là BS NDHà có phòng khám bệnh tư lâu đời ở Gia Hội, sát múi cầu, mọi người đều biết. BS LHBình ở một ngôi nhà nhỏ nhưng vườn rất rộng đường Ngô Quyền nhìn xéo qua Bãi Lao, tuy nhiên cụ chỉ ở ban ngày vì có nhà riêng ở Cầu Đất, Thành Nội, khi cụ về hưu thì nhà được cấp cho Ông Hoàng Ấu Tuyền, Quản lý Bệnh viện Huế. Kế bên cụ Bình là ngôi nhà của Ông Nguyễn Nguyên, sát cổng sau. Bên kia cổng sau là ngôi nhà số 5 Ngô Quyền được cấp cho BS Tuyền, Trưởng khoa Nhi. Hồi đó tôi nghe các nhà thuốc Tây kể chuyện BS Tuyền khám bệnh tư ngay tại nhà, rất đông khách, như thường lệ đối với các Bác sĩ Nhi, đến nỗi Ông phải cho đánh máy sẵn các toa giống nhau luôn với chỉ một thứ thuốc: xi rô Synthomycetin (chloromycetin) cấp cho tất cả mọi trẻ em đến khám mà ai cũng lành bệnh. Hè năm 1959, BS. Phạm Văn Giàu, Đại đội Trưởng Đại đội Quân Y1 (Sư đoàn 1) đóng tại Mang Cá được giải ngũ về làm tại Khoa Nhi BVTUH, BS. Tuyền có người thay thế xin về lại Sài Gòn. BS Giàu, người miền Nam, bà vợ là hoàng tộc, đã có nhà riêng ở đường Mai Thúc Loan, Thành Nội, gần ngã tư Âm hồn, BS. TĐCự thì ở Hàng Bè, BS. ĐHLong ở trước Câu lạc bộ, nhà số 5 Ngô Quyền đang để trống được cấp cho tôi. Đó là một dịp rất may mắn vì sau đó tôi không thấy bác sĩ nào nữa vào ở trong bệnh viện. Dọn vào nhà mới, lúc đầu chỉ hai vợ chồng vừa thành hôn mấy tháng trước, sau đó con cái lúc nhúc, tương Trường cửu chi kế, Vạn đại dung thân, nhưng rồi cũng ở được ngót mười năm, như thế cũng đã mãn nguyện.)

Nhà số 5 Ngô Quyền, từ trước nhiều bác sĩ đã ở đó là một nhà biệt lập rộng có nhiều phòng, mặt trước hướng đông, sau lưng là con đường chính giữa bệnh viện, phòng tắm nhà bếp nằm riêng có lối sau đi vào bệnh viện, sân trước tiếp xúc với phòng bảo chế Dược. Sau khi tôi dọn lên Cư xá đại học, 2 Lê Lợi, thì BS. NKhoa Nam Anh về nhà đây. Tôi đặc biệt thích ngôi nhà này, có nhiều lý do. Nó nằm sát với dãy căn hộ nhiều gia đình nhân viên nên quen biết thân mật. Các biệt thự khác đều nằm riêng lẻ và xa mặt đường. Nhà bếp tôi kế nhà bếp mẹ Bửu Tu, làm phòng X-Quang. Các anh chị ở cùng dãy làm phòng bảo chế Dược, phòng Điện X, vv...Lũ nhỏ đông đảo của mấy nhà, cùng lứa tuổi chạy qua lại chơi đùa với nhau, mà thường là qua nhà tôi, rộng rãi nhiều chỗ, lại có TV màn ảnh lớn chúng cứ bu lại dán mắt vào xem, xuýt xoa chỉ trỏ. Con mẹ Bửu Tu nhiều lắm, đủ lứa tuổi, có đứa rất lớn, song lũ nhỏ nhít cũng nhiều, lại có đứa còn bồng trên tay. Lúc biến cố Tết Mậu Thân, gia đình tôi vài ngày đầu núp trốn trong nhà tưởng chết chung, thì mẹ Bửu Tu chạy qua dắt tất cả vào núp lầu dưới Huỳnh Thúc Kháng, lầu trên không ai dám ở, rồi vì quá đông lại chạy vào phòng điện X-Quang xây rất kiên cố, mẹ Tu có chìa khóa. Pháo kích dữ dội. Sau đó lính Mỹ vào bệnh viện lần lượt lừa tất cả xuống Trường ĐH Sư Phạm. Lúc đó nhằm ngày Tết, bệnh nhân đã xin về nhà gần hết, trong bệnh viện chỉ còn lại gia đình các nhân viên, tuy nhiên dân chúng ở gần lại chạy vào núp tránh. Nhà tôi viết thư, lúc đó tôi đang ở Mỹ, và cả tháng sau mới được người Mỹ báo tin gia đình tôi bình an vô sự, kể lại nhóm bệnh viện cùng ở một phòng giúp đỡ lẫn nhau. Trong phòng cũng có hai gia đình BS. NDuy Chi và BS. NKNam Anh. BS. Chi rất mến trẻ con, mấy đứa con tôi thường lại sờ tai đùa nghịch. BS. Nam Anh là Nhóm trưởng, lãnh nhiệm vụ hàng ngày chờ chực

nhận khẩu phần cho cả phòng: gạo, đồ hộp...lính Mỹ phân phát. Lại có thêm hàng quà dân chúng đem vào bán. Mấy mẹ con ăn uống đầy đủ. Vùng ĐH Sư Phạm/ Trường Kiểu Mẫu khá an toàn. Nghe nói bên Gia Hội, Thành Nội hoặc các nơi khác lại không được thế. Như ngành Y- Dược mà cũng tang tóc: hai Bác sĩ, hai Dược sĩ, ba Bác sĩ Đức và một vị phu nhân thảm nạn. Kỷ niệm *Mậu Thân rùng rợn* (người Huệ) *nhắc mãi nhớ hoài. Đoạn Trường ai có qua cầu mới hay.*

Nhà số 5 Ngô Quyền lại có số nhà mặc dầu là ở trong bệnh viện, có lẽ vì sát đường, mà cổng lại rất lớn cho xe hơi ra vào, có cửa đóng, có một cây cổ thụ bóng mát bên cổng có người ngồi bán hàng và bên kia đường là cổng phòng khám Ngoại Chấn. Lúc tôi đến ở muốn làm một ga ra vật liệu nhẹ trong sân dựa vào tường của phòng bảo chế Dược. Để tiện việc tôi nhờ ban thợ nề mộc của Bệnh viện ra Hàng Bè mua tòn, cột kèo gỗ rồi thuê họ làm luôn trong giờ nghỉ và Chủ nhật. Ông cai thợ gạt đi bảo: “Bệnh viện có sẵn tòn lợp mái, cột kèo gỗ đầy đủ trong kho. Để ngày mai trong giờ làm việc tôi cho anh em thợ đem ra làm nhà ga ra cho Bác sĩ đậu xe.” Ông giải thích thêm: “Bác sĩ đừng ngại gì, nhà này là trong Bệnh viện, thì nhà xe cũng vậy, để Bệnh viện làm.” Tôi nghe hợp lý và để họ tiến hành công việc, nước sông công lính, dùng vật tư và nhân công nhà nước làm việc riêng tư mà chưa thông qua Bệnh viện, sau đó chỉ chiêu đãi anh em thợ. Cho biết các nhân viên thật sốt sắng, vui vẻ với mình, tôi rất quý họ. Năm 1973 khi tôi ở nhà chức vụ Khoa Trường 14 Hai Bà Trưng, cạnh đường Nguyễn Huệ, mé sau góc khuôn viên Trường ĐHYK, cũng có xây hai nhà xe bằng gạch miễn phí trong sân nhà, trường hợp gần tương tự. Tôi lại càng gần gũi với các anh chị nhân viên khi tôi giữ thêm chức vụ bác sĩ Thường Trú của Bệnh viện. Nhiệm vụ Bác sĩ Thường trú, ở thường trực trong Bệnh viện là thay mặt ban Giám đốc giải quyết toàn bộ sự việc ngoài giờ làm việc và ngày lễ nghỉ, phụ cấp chức vụ khoảng 1/10 lương tháng. Nói vậy chứ tôi cũng không thấy việc gì quan trọng đã xảy ra. Bác sĩ Thường trú lại là Bác sĩ gia đình cho Nhân viên Bệnh viện. Mỗi sáng, đầu giờ làm việc khám bệnh cho các nhân viên đau ốm trong ngày, cho thuốc lãnh tại kho thuốc, cho nghỉ dưỡng bệnh hoặc cho nằm viện. Rồi ký vào một số giấy tờ sổ sách trong đó tôi nhớ mãi là các sổ ghi phần cơm trong ngày để đưa xuống nhà Bếp phụ trách thi hành. Tổng cộng trên 1000 phần ăn cho bệnh nhân song phải ký trội thêm mấy chục phần. Tôi ngạc nhiên thì được trả lời: “Thưa Bác sĩ lúc nào cũng phải ký dư phần ăn để lấy đó trả cho các y công, lao công phụ BV muốn làm việc mà chưa có sổ lương.” Tôi nghe có lý liền ký hết không thắc mắc. Hồi đó từ xa xưa cho đến cuối tháng tư 1975 hết nguy, nhân dân đến khám bệnh, được cấp thuốc, cho toa, cho nhập viện nằm, xét nghiệm, khám điện, mổ xẻ, thuốc men, ăn uống kể cả các khẩu phần đặc biệt đều khỏi trả tiền từ A đến Z mà chẳng đòi hỏi giấy tờ chứng nhận gì cả, miễn là có bệnh. Áo quần, khăn mền mùng chiếu, giặt giũ sạch sẽ từ tế cũng được phát không để phải dùng, thay đổi tuần hai lần và khi cần thiết, lúc ra về trả lại. Nếu có tiền muốn nằm rộng rãi thì trả thêm chút đỉnh nằm phòng trả tiền, và đó là tiền phòng, các dịch vụ khác đều miễn phí. Sau tháng 4/1975 nhân dân đến phòng khám ngoại chấn cũng được khám miễn phí, được cho toa ra cửa hàng Dược mua thuốc. Nếu nằm viện cũng khỏi phải trả tiền viện phí gì, như hồi họ sống với nguy. Tuy nhiên ăn uống phải tự lo liệu, hoặc đóng tiền, tem gạo. Sự kiện này được giải thích chính đáng: lương thực, khẩu phần nhân dân (thông qua hộ khẩu) đã được Đảng Nhà Nước CS qui định rõ, quản lý tốt, có chính sách hợp lý hạch toán cân bằng, khép kín vòng quay; vắng nhà phần ăn phải đem theo, lấy đó bù đây, không dư khỏi thiếu. Ưu điểm mang tính vượt trội của Chế độ: loại trừ tận gốc thất thoát, lãng phí, lạm dụng, tham nhũng. Được vài năm đầu, hiện giờ nghe nói hết sạch nguy, tiền trao cháo múc, *Tiên tiêu nhân nhi hậu quân tử* (mất lòng trước được lòng sau,) vào Bệnh viện nghĩa vụ đầu tiên và lúc hữu sự, là trả bệnh phí từ A đến Z, sọ đến đuôi, nộp ngay tại phòng Tài vụ Kế toán, giữ kỹ giấy biên nhận để lúc ra viện không vướng mắc, tiền mất tật lành, chưa kể các phí khoản trả nước lốt đường không biên nhận, *đào giang tùy khúc, chệt chân/họng phải há miệng.*

Lúc tôi qua BVTUH vì ít bác sĩ, số lớn còn kẹt trong Quân đội, nên phải đảm nhiệm cùng lúc nhiều trại bệnh. Về phần trực gác thì chia tua bốn. Trực Nội Nhi có các Bác sĩ PVGiàu, NKNam Anh, NKMân, LVĐiêm. Tất cả đều học ở Pháp về. Trực Ngoại Sản có các BS. Tô đình Cự, Thân trọng Phước, NDChi và tôi. Tất cả đều có học ở Hà nội. BSTĐCự là Thiếu tá Chỉ huy Trưởng Quân Y vùng 1 Chiến thuật (Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng) giải ngũ về BVTUH. BS. TT Phước đã xin nghỉ hưu song vẫn trực giúp Bệnh viện mỗi bốn ngày. Cự Phước có phòng khám và nhà bảo sanh ở đường Gia Long, ngã giữa gần cửa Chính Đông. Các Bác sĩ không trực là BS. LKQuyển, LHBính và Đặng hóa Long, Giám đốc Trường Nữ Hộ Sinh Quốc Gia. Các năm 1960, 61, 62 vẫn còn khá thanh bình nên trực ngoại sản cũng nhẹ nhàng, rất ít thương tích chiến tranh, mà thường là ở thôn quê chờ đến, còn ở Huế xe hơi, xe gắn máy thừa thớt, chạy ít theo luật nhưng chậm rì, nên cũng không có tai nạn giao thông gì đáng kể, người Huế hiền hòa, ẩu đả đâm chém cũng không có, các bệnh cấp cứu ngoại như thường lệ vẫn là viêm ruột dư, thủng loét dạ dày ruột non, thủng ruột Thương hàn, nghẹt ruột nhiều nguyên nhân... và ở bên sản các ca sinh khó. Tôi ở ngay trong Bệnh viện nên có thuận lợi về trực gác. Ở BVTUH từ giữa năm 1961 trở đi có các Giáo sư, Bác sĩ Đức, Pháp của Trường ĐHYK đến dạy, làm việc song trước đó lại có các đoàn Bác sĩ Hoa kỳ thỉnh thoảng đến thăm và làm việc dăm bữa, hơn tuần. Năm 1960 tàu SS Hope đến viếng thăm Huế từ 30 tháng 7 đến mùng 9 tháng 8 và các Bác sĩ Mỹ đã đến làm việc tại BVTUH. Tôi đã có đó suốt thời gian tại phòng mổ. Người Mỹ rất nhã nhặn tinh tế. Họ chỉ quan sát, phụ mổ cho mình và chỉ bảo giúp ý kiến rất tế nhị. Các bức hình công tác của đoàn được trưng bày ở phòng Thông tin Hoa Kỳ và sau đó Sở Thông Tin HK gửi biểu tôi một tấm hình mà tôi vẫn giữ để kỷ niệm trong đó tôi đang phẫu thuật cùng Bác sĩ S. F. Herrmann, ở Tacoma, Washington (*). Lần khác trong khi làm việc một Bác sĩ vui vẻ sửa cho tôi phát âm sai chữ /blood/, tôi nhớ mãi, lại có Ông hướng dẫn bài vở trắc nghiệm ECFMG rất mới lạ lúc đó. Nhiều năm sau, khi chiến tranh cao độ, luôn có hai tàu bệnh viện SS Repose và Sanctuary luân chuyển ngoài khơi giữa Huế và Đà Nẵng để đón nhận thương binh. Các Bác sĩ Quân y Hoa Kỳ vẫn đến BVTUH và tôi cũng có dịp đi trực thẳng ra thăm tàu. Nhân viên Phòng mổ rất nhanh nhẹn thành thạo khi phụ mổ, vui vẻ tận tụy. Các Anh: Mầu, Bộc, Sâm, Tê, Huỳnh... tôi nhớ người nhớ tên mãi. Anh Mầu, đã lớn tuổi, rất giỏi nhiều khi thay bác sĩ mổ sỏi bàng quang... Ở địa phương các Anh ấy rất được dân chúng mến và tin tưởng.

Vào hồi đó, mỗi tuần đều có buổi họp các Bác sĩ vào sáng thứ bảy, thứ bảy làm việc nửa ngày, không phải ở phòng họp hoặc Hội trường mà ở văn phòng Giám đốc. Bác sĩ Lê khắc Quyển ngồi giữa ở bàn giấy chủ tọa, các anh em khác kẻ ngồi salon người đặt ghế ngồi thêm, chuyện trò bàn cãi vui vẻ khi thì chuyên môn, khi thì bóng đá, văn nghệ không đâu vào đâu, nhưng không hề nói đến thời sự, chính trị. Các Bác sĩ có mặt: cụ Bính, cụ Cự... và tôi, tất cả các Bác sĩ mà tôi đã nêu tên ở trên khi đề cập đến trực gác Bệnh viện, chỉ thiếu BSTh ân trọng Phước, nghĩa là vừa trên mười bác sĩ. Như thế vào thời đó 1960 đã là rất nhiều, nhờ có các bác sĩ ở Pháp về. Ở Hà nội (1954) tại Bệnh viện Bạch Mai, Phủ Doãn, và ở Sài gòn tại Chợ Rẫy, Bình Dân lắm khi lại ít hơn. Các bác sĩ lớn nhỏ đều bị trưng tập vào Quân Y kể từ năm 1950, 1951. Khi Bác sĩ Tô đình Cự nhập ngũ thì mang lon Thiếu Tá ngay (thay vì Y sĩ Trung Úy,) tính theo năm ra Trường, ngành Tư pháp cũng vậy. Mặt khác Trường ĐH Y Khoa mỗi năm chỉ đào tạo hai ba chục Bác sĩ, mãi nhiều năm sau khi có các kỳ thi Tú Tài Việt Nam thì sĩ số Sinh viên mới vọt tăng nhiều nhưng vẫn còn hạn chế tùy theo khả năng của Trường về nhân số, cơ sở vật chất... để bảo đảm chất lượng đào tạo. Các năm về sau BVTUH lại có thêm các Bác sĩ ở Pháp về: BS. NĐBằng (khoa Tâm Thần), BS. PĐĐê, BS. Lang và các Bác sĩ từ Quân Y biệt phái: BS. NVVĩnh, NHoài... càng ngày càng đông. Tuy nhiên lúc này BS. Quyển bận quá nhiều công việc, Trường, Viện và linh tinh hay vắng mặt không đến họp, các Bác sĩ khác đến văn phòng Giám đốc một lát rồi về, không ai chủ trì. Cũng thời gian này bên

Trường ĐHYK các Bác sĩ từ Pháp về là BS. Thân trọng An, vợ Pháp, NVMấn, Bùi Luân. BS Lê Huy Chúc đã về Viện Đại Học từ trước nay chuyển qua YKhoa. Các Bác sĩ từ Quân Y qua là BS. LVBách và nhiều Bác sĩ Quân Y khác trúng tuyển Giảng Nghiệm viên, được biệt phái về Trường: BS. NVTự, VCThường, PHChí... và sau nữa các BS. NVĐệ, BMĐức, đông dần. Trường hợp BS. LKQuyến, NKMân và tôi có khác đôi chút, vì đều đang là Bác sĩ Dân Y của bộ Y tế tại BVTUH qua làm việc thêm ở Trường Y Khoa. BS. LKQuyến thì được cử kiêm nhiệm Phụ tá Khoa Trường tại ĐHYK giữa 1961, rất lu bu; từ đầu 1963 Ông là Quyền Khoa Trường. BS. NKMân và tôi, năm 1961 được BS. Quyến cử làm phụ giảng rồi sau đó cả hai thi vào Trường và mãi đến giữa 1964 mới chính thức về Trường. Tôi qua Trường, thôi giữ chức vụ Bác sĩ Thường trú Bệnh viện (bộ Y tế) từ đó, tuy nhiên cả BS. Mân và tôi vẫn ở nhà cũ trong Bệnh viện. Điều làm tôi ngạc nhiên là đang thuộc về Trường (bộ Giáo Dục) và tăng tước vị đều đều, tôi lại được tiếp tục lên ngạch tại bộ Y tế, hai năm một lần, từ Y sĩ Quốc Gia (chính ngạch) hạng 5 lên hạng 4 rồi 3, vv... có lẽ nếu còn nguy tiếp tục thì lên đến Thượng hạng Ngoại hạng khi về hưu. Ở ĐHYK năm 1975 chỉ có mình tôi như vậy, song tịch, cả hai bộ, tuy nhiên chẳng ai biết ở Trường và cũng chẳng chiếm tiện nghi gì thêm. Sau 1975 khi làm tờ khai lý lịch với Cách Mạng, được hỏi về huy chương nguy, tôi cứ ngay tình khai tôi có Y tế Bội tinh và Giáo dục Bội tinh do công lao đóng góp trong ngành Y tế và Giáo dục, họ không hỏi gì thêm.

Từ năm 1959 đến 1968 chức vụ Giám Đốc BVTUH thay đổi nhiều lần. Bề ngoài tưởng phẳng lặng bình thường, song trong có nhiều tình tiết khấp theo thời cuộc. Anh Lê như Dưỡng, phó Quản lý BVTUH, làm việc tại văn phòng Bệnh viện từ 1957, thân cận với các đời Bác sĩ Giám Đốc, biết rõ nội tình sự việc đã kể lại cho tôi nhiều chi tiết chuyển biến. Thật tình tôi không tò mò, nhưng để viết bài này tôi đã hỏi Anh đủ thứ chuyện mà Anh lại rất nhiệt tình trả lời đầy đủ. Chị Tuyết, bà vợ của Anh cũng là nhân viên Bệnh viện và có thời gian phụ giúp tôi ở phòng mạch tư, ngoài giờ làm việc nên tôi quen biết thân tình với cả hai Anh chị. Dù sao tôi cũng hết sức dè dặt và ngăn gọn vì không phải chính người trong cuộc sợ nói lầm sai nhiều. Khi tôi qua BVTUH, cuối 1959 thì BS. LKQuyến đang là Giám Đốc Bệnh viện. Ân huệ đầu tiên là Ông đã nhanh chóng cấp cho tôi nhà ở ngay trong Bệnh viện, ngôi nhà đó rất hợp ý, tôi thích nhất, và còn nữa, ở trong Bệnh viện Việt Cộng chắc không nỡ pháo kích, sợ mang tiếng. Từ cuối 1960 BS. Quyến bận rộn nhiều, cùng Cha Viện Trưởng ĐH CVLuận, bàn thảo kế hoạch xây dựng ĐHYK Huế, đi đây đi đó, tiếp xúc. Tôi cũng nghe nói vậy thôi, không theo dõi, lúc đó tôi chỉ nghĩ đến chuyên môn, rồi qua Câu lạc bộ Thể Thao Huế gần đó thụt bi da, chơi tennis, hoặc có khi đánh Cầu lông trong Bệnh viện với nhân viên. Đó là những năm tôi sống an bình. Mọi việc tốt đẹp. Qua năm 1963 thì tình hình bắt đầu biến chuyển, phong trào chống đối Chính phủ Tổng Thống NĐDiệm lớn dần, và mãnh liệt với cao trào Phật Giáo đấu tranh. Ở Huế không khí ngột ngạt căng thẳng. Rồi nghe đồn BS. LKQuyến đã bị bắt giữ cùng một số người ở Bệnh viện và Trường Y Khoa, vào khoảng hè 1963, nhân viên ai cũng nghĩ chắc là vì vụ Phật Giáo. Anh LNDưỡng lúc đó làm ở Văn phòng Quản Trị Hành Chánh kể lại Ty An Ninh Thừa Thiên điều tra hoặc bắt giữ vì cho là họ có tham gia Phong trào Hòa Bình, Mặt Trận Hòa Bình, vv... và tổng giam tất cả vào Nhà Lao Thừa Phủ, sau đó đưa lên Chín Hầm. Tháng 9 năm đó Bộ Y Tế bổ nhiệm BS Kỳ quan Thân đang là Đại Sứ VNCH tại Lào ra làm Giám Đốc BVTUH. BS. KQThân là người Huế, cỡ tuổi BS. Quyến, ăn nói mềm mỏng vì là nhà Ngoại Giao. Tôi tình cờ biết BS. Thân hơn mười năm trước khi tôi học ở Hà nội. Ông là Bác sĩ Nhi, phòng mạch rất đông khách ở giữa Hà nội và điều đặc biệt là phòng mạch luôn để đèn tối lơ mờ vì Ông nghĩ như thế sẽ làm bệnh nhân thoải mái an tâm và tin tưởng. Sự kiện một vị đang là Đại sứ được bổ nhiệm làm Giám đốc Bệnh viện khiến tôi nghĩ chắc tình thế phải rất nghiêm trọng và tế nhị. Đến cuối tháng 11, Chính phủ bị đảo chánh, BS. KQThân rời Huế trở về Sài Gòn, BS. NDChí đang là Phó Giám Đốc lên thay thế. Tôi nghe Nhân viên nói khi được kéo ra khỏi Chín

Hầm thi BS. Quyên rất yếu đuối, phù thũng nặng và được công kên hoan hô nhiệt liệt, sau đó tỉnh dưỡng cả tháng mới tạm lại sức và trở về Trường Y Khoa. BS Nguyễn duy Chi lên làm Giám Đốc một thời gian lại có vấn đề. BS. Chi có một người anh là Đại Tá NVT, Thị trưởng Đà Nẵng mà Trung Tướng Nguyễn ChánhThi, Tư lệnh vùng I (kiêm Đại diện Chính Phủ) không ưa thích, và cũng bực bội luôn với BS. Chi vì tiếp đón không đúng mức khi Ông đến thăm BVTUH, anh Dưỡng kể lại. Giữa năm 1965 Trung Tướng Thi đưa BS. NVMẫn thuộc ĐHYK về làm Giám Đốc BVTUH thay thế BS. Chi, vẫn ở lại Huế. Tôi nghe Sinh viên Y Khoa thuật lại trong chuyến Đại Học Huế đi cứu trợ lụt bão tại Quảng Nam/Đà Nẵng trước đó, BS. Mẫn dẫn dắt đoàn và rất nhiệt tình, khéo léo nên được lòng với bên Quân Đội, quen biết nhiều cả với Trung Tướng Thi. Khi làm Giám Đốc Bệnh viện BSMẫn, giao thiệp rộng rãi nhờ Công Binh qua xây hồ non bộ rất lớn và đẹp ở trước Khoa Nhi, ai cũng khen ngợi. Có thời gian ngăn BS. Mẫn tạm thay thế luôn BS. LKQuyên ở ĐHYK khi BSQuyên vì những lý do chính trị phải rời Huế và bị cô lập ở Sài Gòn (Từ Nguyên, NV Thuận, Trường ĐHYK Huế, Dòng Việt 1997, tr. 89.) Nhưng rồi đến đầu 1966, Trung Tướng NCThi lại đưa BS. Mẫn về làm Thị Trưởng Đà Nẵng. BS. Mẫn muốn đem theo anh LNDưỡng nhưng anh từ chối và còn khuyên ngược lại BS. Mẫn nên ở lại Huế giữ chuyên môn. Ở Đà Nẵng đến lúc Tướng Thi xuống thì BS. Mẫn cũng bị điều tra bắt giữ, thậm chí đề nghị xử tối đa, nhưng cuối cùng cũng được thả, anh Dưỡng kể vậy, hú vía. BS. Tô đình Cự lên làm Giám Đốc Bệnh viện, yên hàn vô sự cho đến biến cố Tết Mậu Thân, sau đó Ông xin về Sài Gòn. BS Cự là người Bắc mà rất tốt bụng, quá tốt theo tôi nhận xét, vồn vã, bình dị, mà ai cũng kính nể, ít người được như vậy. Năm trước Ông đã chín mươi mấy tuổi chắc ngang tuổi BS Lê khắc Quyên, mà còn đi dự gặp mặt với Hội Ái Hữu ĐHYKHuế Hải ngoại ở Cali, thật đáng quý.

Trong thời gian 1959-68 BVTUH là Bệnh viện thực hành, có Sinh viên Y Khoa đến thực tập các bệnh phòng, không khí trở nên nhộn nhịp. Các Sinh viên đã ghi lại nhiều kỷ niệm thời ấy, trong Tập San 2006 kỷ niệm 20 năm thành lập Hội Ái Hữu của họ ở hải ngoại. BS. TĐ Đài, khóa 1 (1961-1967) nhớ lại năm thứ 3 đi thực tập Khoa Truyền Nhiễm trong lúc Dịch tả ở Thừa Thiên đang hoành hành, áo quần vén trên mắt cá, chân dẫm trên đất rắc vôi trước (tr. 33). BS. HT Định, khóa 2, trực trại Nguyễn hữu Sum B vào một tối mùa đông 1966 trời mưa như trút nước mà phải đi tìm BS Díscher, chạt vật đeo Thầy về Bệnh viện trên chiếc xe Mobilette Pháp cũ kỹ, đạp mãi mới chịu nổ máy mà Thầy lại vừa cao vừa nặng (tr. 64). BS. LB Dũng(khoá 1), năm 3 trong một ca trực khoa Sản thì gặp một cô Nữ Hộ Sinh khuôn mặt xinh tươi xuất hiện và nói: “Xin cho em nghỉ lại đây đêm nay ...”(tr. 66). Nhưng rồi cũng chỉ là một sự hiểu lầm. BS. LĐ Thương (khóa 1) trong đêm trực, giữ chìa khóa Nhà Xác suýt gặp *Quý nhập tràng*, nhưng sau đó hình như chỉ là một bệnh nhân nằm trại điên, cạnh nhà Xác (tr. 18). BS. TThất Hứa thuật: Tôi không quên được cái đêm lựu đạn do bọn khủng bố ném tại Hội chợ tại Thương Bạc/Huế vào tháng 10 năm 1964 gây thương vong rất lớn; suốt đêm ấy tôi có mặt bên cạnh Bác sĩ trực Thầy LH Chúc và được Thầy cho phép mổ. Sáng hôm sau Thầy đã đem toàn thể nhân viên trực qua ăn sáng tại tiệm café Phấn trước chợ Đông Ba, áo quần còn dính đầy máu (tr. 44). BS. LK Tánh (khóa 4) trong một phiên trực ở khu Nhi Đồng đêm trừ tịch vắng tanh vào cuối năm đã gặp một trường hợp như là *Liêu Trai* và đã ghi lại: Nét mặt người con gái trên bàn thờ giống hệt gương mặt đẹp thanh tú và lãng đãng khói sương của Xuân, đến và đi thật bất ngờ như một cơn gió thoảng bay đi mãi mãi, mang theo dư hương của một đêm trực nhà thương thật buồn và thật đẹp trong đời (tr. 101). Còn chị Hoàng Anh, sinh viên Nữ hộ Sinh đi thực tập ở phòng NH Sum đã nhớ mãi cái buổi ban đầu quen biết lưu luyến ấy: ...tôi quay lại có chút e lệ và ngỡ ngàng. Còn Anh thì ngược ngược và lúng túng, một lúc sau mới lên tiếng: - Tôi tên là TQH. SVYK2, tôi có vài bệnh nhân ở trại này cần theo dõi...(ĐS NHS Texas 2008, tr. 108). Anh ĐTTuyên, Sinh viên Trường CSYTé ĐDưỡng kể lại trong Nhật ký ngày Trường và Nội Trú từ khuôn viên BVTUH dọn qua cơ

sở mới lớn đẹp xây cất kề hông Trường ĐHYK: ...Vào Khu Học xá mới ngày 4. 11. 1962 từ khu nhà Vòm, khu gần lầu Hoàng Diệu, khu gần chuồng thỏ chuyển sang... Khu Học xá rất lớn gồm có 10 phòng...(Lưu Niệm 2004 CSYTĐD, khóa 4, tr. 162.) Tất cả các kỷ niệm đều được ghi lại xảy ra ở BVTUH trước 1968, thơ mộng, huyền bí như khung cảnh của Bệnh viện thời đó, mà có lúc lại hãi hùng theo thời cuộc. Sinh viên các Trường vây quanh mặt sau BVTUH: Tá viên Điều Dưỡng, Nữ Hộ Sinh Quốc Gia, Cán Sự Y Tế Điều Dưỡng, ĐHYK Y Khoa vào học trước 1968 và đi thực tập lâm sàng ở các khoa phòng đều ít hoặc nhiều biết rõ Bệnh viện xưa, đến lúc ra Trường bổ nhiệm đây đó ở các cơ sở Y tế miền Nam, thấy nhiều biết nhiều để có thể đối chiếu so sánh và nhận thấy BVTUH đẹp, rộng, và thật độc đáo là niềm kiêu hãnh của mọi người.

Sau 1975 đi ngang BVTUH từ cổng trước nhìn vào tầm mắt bị cản lại, bước qua cổng là một tòa nhà bốn tầng đồ sộ vuông vức nằm ngang chắn đường (như kỳ đà cản lộ) trắng lẹ nhưng cũng bình thường như trăm ngàn cao ốc khác, còn đâu là con đường rộng dài thẳng tắp, xa tít nói từ cổng trước ra sau nhìn suốt thoải mái, những cỗ thụ, ngôi nhà, trại bệnh, hòn non bộ, vườn hoa luống cỏ mát mắt. Từ cổng sau, đường Ngô Quyền bước vào Bệnh viện còn thấy một ít kiến trúc cũ không bị Tết Mậu Thân phá hủy đặc biệt Khoa Sản Trung Trắc và Khoa Nhi tuy nhiên bị bít con đường ra trước, lạc lõng, mất hài hòa với tổng bộ, hàng thân lờ láo. Hồ non bộ đã không còn và đứng trên lầu Nhi nhìn ra trước tầm mắt bị cao ốc mới xây chắn lại, số sảng. Tuy không là ngột ngạt nhưng chẳng còn tươi mát như xưa. Một Cựu Sinh viên Y Khoa, khóa sau 1975 thậm chí viết: *“Chưa bao giờ anh để ý đến cái kiến trúc của nó. Nhưng giờ đây anh cảm thấy điều gì không ổn. Cách kiến trúc của Bệnh viện trông nặng nề, cứng cáp. Anh ghét cái kiến trúc của Bệnh viện Huế từ đó.”* (Tập San ĐHYK Huế Hải Ngoại, 2006, tr. 158.) Điều an ủi là BVTUH vẫn còn rất nhiều khoảng trống nhất là mé hông phải tiếp giáp với Công viên Hàng Đào, các Bệnh viện Chợ Rẫy, Bình Dân... xây cất lại chỉ thấy nhà là nhà. Riêng tôi, tôi cũng bực bội với họa đồ của Bệnh viện mới xây cất, lý do tôi biết mô hình cũ như thế nào trong ngót chín mươi năm gia đình tôi sống tại khuôn viên Bệnh viện. Tôi đặc biệt yêu thích con đường giữa cắt đôi, không Bệnh viện nào có được, nay không còn tôi như mất mát một cái gì trân trọng. Tôi ý thức Bệnh viện mới xây là tân tiến, mà phải như thế, và cũng đẹp, tuy nhiên: *“Họa thủy vô ngư không tác lãng. Tú hoa tuy hảo bất vấn hương.”* (Vẽ nước cá không sao nổi sóng, Hoa thêu tuy đẹp chẳng mùi hương.) Vì rằng đã thiếu một cái gì, con đường chính giữa, dấu ấn.

Năm 1952 ở Hà nội tôi đã tức tối khi thấy người ta lấp một khoảng bờ Hồ Guom. Hồ này nằm giữa lòng Hà nội, thực đẹp, danh bất hư truyền, địch thủ của sông Hương, tuy nhỏ, có hình chữ số 0, chiều dài chắc khoảng hơn hoặc bằng cầu Trường Tiền, Huế. Tháp Rùa nằm lẻ loi, phía Phố Tây, chùa Ngọc Sơn sát bờ có cầu Thê Húc bắc qua, nằm phía Phố Ta, 36 phố phường. Người ta đã xe đất lấp hồ khoảng 10 mét ở mút đầu Hàng Đào, Hàng Gai để nới rộng bến tàu điện, bến xuất phát. Hồ Guom đã nhỏ lại bị thu hẹp diện tích, tôi tiếc ngẩn ngơ. Tàu điện Hà nội chạy chậm rì trên đường sắt, cồng kềnh, cản trở giao thông giữa đường phố vốn đã hẹp, chưa đẹp đã may phước, lại xâm lấn bờ nước Hồ Guom. Tầm thực Kinh thốn. Phải chi người ta cho xây một bến cầu cao trên mặt nước thay vì lấp một khoảng hồ, phải chi BVTUH xây lên cao ốc, bằng cách này hoặc cách khác vẫn giữ một lối đi thẳng từ cổng trước tuốt ra cổng sau, độc đáo. Hồ Guom thu hẹp chút ít diện tích vẫn giữ dáng cũ, mười phần xuân có gầy đi nửa phần, còn BVTUH thay hình đổi dạng triệt để, như thay đổi chế độ, hoàn toàn mất hẳn thoải mái tự do sáng khoái xưa, mười phần xuân chỉ còn đâu nửa phần.

Sông Hương vẫn đẹp, vẫn tấp nập hai bờ nhưng ngày nay nhiều Thành phố trên đất nước, nằm cạnh sông, trên đà phát triển cũng sẽ được như vậy nhiều ít, và biết đâu tương lai sẽ có một hai cầu Trường Tiền được xây. Trời mưa đất chịu. Dù vẫn bám víu tin tưởng có sông Hương ấy phải có cầu Trường Tiền ấy,

không đâu bằng. Trường Quốc Học/Đồng Khánh đẹp để danh tiếng từ xưa thì nay đổi tên họ, trở thành hai Trường Trung học bình thường, hỗn hợp giống nhau, cùng nhận học sinh nam lẫn nữ không phân biệt, còn đâu là thi văn, gợi cảm của Huế (!). Quýt làm cam chịu. BVTUH xây dựng lên lầu hoành tráng song lại đánh mất nét độc đáo, dấu ấn xưa, và trở nên tầm thường, tẻ nhạt. Bụng làm dạ chịu. Có tức vỗ ngực mà chết, có phiền lên cầu Trường Tiền (gần đó) mà nhảy. Chúng ta đã lầm lỡ đánh mất các giá trị tinh thần của cố đô Huế, vô tình, cố ý hoặc do từ đâu đâu, tôi buồn tiếc day dứt nhớ nhung những hình ảnh kỷ niệm thân thương xưa, ở BVTUH trước năm 1968, Bệnh viện là một “Nhà Thương” ở Huế, ở miền Nam trước 1975 người sống với người và cả ở Hà nội, ở miền Bắc trước năm 1954, nhân dân ồ ạt ra đi: *Không gì quý hơn Độc Lập, Tự Do (**).*

North York, Tết Kỷ Sửu, 2009.

Lê Bá Vận.

(*) Dưới ảnh ghi chú Việt và Anh: During the visit of a second medical team from the SS Hope to Hue , July 30 to August 9 , Dr. S. F. Herrmann, surgeon from Tacoma, Washington, worked closely with Vietnamese surgeons in performing a number of delicate operations at the Hue General Hospital . Here, at the left, he observes closely the work of Dr. Le- Ba- Van, who is performing the resection of a patient‘ s colon. A nurse, Mr. Nguyen- van- Mau, stands ready to hand the physicians the necessary instruments .

(**) Lời sấm Bác căn dặn (lại ứng nghiệm năm 1975): Không gì quý hơn Độc Lập, Tự Do.